

Số: 151 /KH-UBND

Lào Cai, ngày 16 tháng 5 năm 2020

KẾ HOẠCH

Cải thiện, nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của tỉnh Lào Cai năm 2020

Theo công bố của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển - Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES) thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật Việt Nam, Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) và Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (VFF-CRT), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2019 được xếp làm 4 nhóm: (1) Nhóm đạt điểm cao nhất (16 tỉnh, thành phố); (2) Nhóm đạt điểm trung bình cao (16 tỉnh, thành phố); (3) Nhóm đạt điểm trung bình thấp (15 tỉnh, thành phố); (4) Nhóm đạt điểm thấp nhất (16 tỉnh, thành phố). Chỉ số PAPI năm 2019 của toàn quốc được đánh giá có tổng điểm thấp hơn so với năm 2018, điểm trung bình trung giảm 0,17 điểm so với năm 2018 (năm 2018 là 43,78 điểm; năm 2019 được 43,61 điểm).

Kết quả Chỉ số PAPI của tỉnh Lào Cai năm 2019: Đạt 45,06 điểm (tăng 0,69 điểm so với năm 2018); xếp thứ 3/6 tỉnh Vùng Tây Bắc và xếp thứ 13/63 tỉnh, thành phố (tăng 16 bậc so với năm 2018); thuộc nhóm 16 tỉnh, thành đạt điểm cao nhất (*Chi tiết Chỉ số PAPI của tỉnh Lào Cai năm 2019 tại Phụ lục kèm theo*).

Tuy điểm tổng hợp PAPI năm 2019 tăng và được xếp vào nhóm đạt điểm cao nhất, nhưng một số lĩnh vực nội dung PAPI duy trì kết quả không bền vững như: tham gia của người dân ở cấp cơ sở, quản trị môi trường bị giảm điểm; công khai minh bạch, cung ứng dịch vụ công tuy điểm số tăng nhưng giảm bậc xếp hạng do các tỉnh, thành phố khác có những cải thiện tốt hơn...

Để khắc phục những hạn chế, tiếp tục cải thiện và nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2020 và những năm tiếp theo, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch Cải thiện, nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của tỉnh Lào Cai năm 2020, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung:

Phát huy sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân vào quá trình xây dựng, thực thi và giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng nền hành chính minh bạch, liêm chính, hiệu lực, hiệu quả, chuyên nghiệp, thống nhất, nâng cao chất lượng phục vụ và uy tín của chính quyền các cấp đối với nhân dân. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước trong

việc quản lý điều hành và cung ứng dịch vụ công nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Năm 2020, phần đầu Chỉ số PAPI của tỉnh Lào Cai đứng trong top 10 của cả nước và đứng đầu các tỉnh vùng Tây Bắc.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Phần đầu điểm tổng hợp PAPI năm 2020 đạt từ 46,40 điểm trở lên (tăng 1,34 điểm so với năm 2019) tiếp tục duy trì trong nhóm đạt điểm cao nhất, trong đó:

+ Chỉ số nội dung “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”: Đạt 5,36 điểm; thuộc nhóm đạt điểm cao nhất (tăng 0,05 điểm so với năm 2019).

+ Chỉ số nội dung “Công khai, minh bạch”: Đạt 5,6 điểm; thuộc nhóm đạt điểm cao nhất (tăng 0,14 điểm so với năm 2019).

+ Chỉ số nội dung “Trách nhiệm giải trình với người dân”: Đạt 5,03 điểm; thuộc nhóm đạt điểm cao nhất (tăng 0,05 điểm so với năm 2019).

+ Chỉ số nội dung “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”: Đạt 6,8 điểm; thuộc nhóm đạt điểm trung bình cao (tăng 0,04 điểm so với năm 2019).

+ Chỉ số nội dung “Thủ tục hành chính công”: Đạt 7,6 điểm; thuộc nhóm đạt điểm cao nhất (tăng 0,14 điểm so với năm 2019).

+ Chỉ số nội dung “Cung ứng dịch vụ hành chính công”: Đạt 7,4 điểm; thuộc nhóm đạt điểm cao nhất (tăng 0,12 điểm so với năm 2019).

+ Chỉ số nội dung “Quản trị môi trường”: Đạt 4,31 điểm; thuộc nhóm trung bình cao (tăng 0,74 điểm so với năm 2019).

+ Chỉ số nội dung “Quản trị điện tử”: Đạt 4,3 điểm; thuộc nhóm đạt điểm cao nhất (tăng 0,08 điểm so với năm 2019).

3. Yêu cầu:

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, thống nhất, đồng bộ trong thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp cải thiện nâng cao Chỉ số PAPI của tỉnh; xác định cải thiện và nâng cao Chỉ số PAPI là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của các cơ quan, đơn vị; đặc biệt là cấp huyện và cấp xã.

- Các cơ quan nhà nước phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền rộng rãi đến cả hệ thống chính trị, toàn xã hội, thực hiện tốt yêu cầu; thấu hiểu và chia sẻ các vướng mắc, bức xúc của nhân dân, của tổ chức và cá nhân.

- Đánh giá đúng thực trạng, xây dựng Kế hoạch, chương trình hành động thực hiện các nội dung thiết thực, hiệu quả liên quan đến việc xác định Chỉ số PAPI của ngành, địa phương mình.

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc triển khai cũng như kết quả Chỉ số PAPI năm 2020 thuộc phạm vi được phân công chủ trì, hướng dẫn, theo dõi, chỉ đạo, thực hiện.

- Tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ ở các cấp chính quyền và có hiệu quả trong việc cải thiện và nâng cao Chỉ số PAPI năm 2020 của tỉnh Lào Cai.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đối với nội dung “Tham gia của người dân cơ cấp cơ sở”:

1.1. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân hiểu đầy đủ và thực hiện tốt Pháp lệnh thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

1.2. Tuyên truyền, triển khai các hình thức thích hợp (công khai số điện thoại, hộp thư điện tử của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp, tiếp xúc với nhân dân...) để nhân dân nói lên nguyện vọng, phản ánh kiến nghị, tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước, các cơ chế, chính sách của Trung ương cũng như của địa phương.

1.3. Đổi mới cách huy động sự tham gia của cử tri, người dân vào hoạt động bầu cử và ra các quyết định ở địa phương nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong tham gia đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước.

1.4. Tích cực tuyên truyền về kết quả bầu cử các cấp và đảm bảo chất lượng công tác bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để người dân lựa chọn đại diện.

2. Đối với nội dung “Công khai, minh bạch”:

2.1. Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn phải công bố, công khai số liệu giám thủ tục hành chính, lộ trình thời gian hoàn thành.

2.2. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh để kịp thời bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế những quy phạm pháp luật không còn phù hợp, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Duy trì nghiêm việc công bố danh mục các văn bản pháp luật hết hiệu lực hàng năm, bằng nhiều hình thức thiết thực và phù hợp.

2.3. Thực hiện quy trình rà soát, điều tra, bình xét và công nhận đối tượng hộ nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều. Công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; trụ sở (điểm hoạt động văn hóa) khu phố. Xử lý nghiêm những cơ quan, địa phương, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện không đúng các quy định về chính sách cho hộ nghèo theo quy định của nhà nước.

2.4. Thực hiện đúng các quy định về công khai, minh bạch thu chi ngân sách phường, xã. Việc công khai phải cụ thể, chi tiết, hình thức công khai phải phù hợp, thuận tiện để người dân có thể tiếp cận và giám sát. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp; các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, công chức và nhân dân; kịp thời ngăn chặn những dấu hiệu tiêu cực, xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với những trường hợp vi phạm các quy định về quản lý tài chính, tài sản công.

2.5. Dự thảo các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương đều phải tổ chức lấy ý kiến đóng góp của người dân tại nơi có đất. Thực hiện công bố công

khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và khung giá đất hiện thời trên trang thông tin (công thông tin) của sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và tại trụ sở UBND cấp xã. Sử dụng các phương tiện để thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc khung giá đất tại các thôn, tổ dân phố. Kịp thời cập nhật, công khai khi có sự điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc khung giá đất. Phải công khai và thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất, mức giá đền bù khi thu hồi đất. Công bố kế hoạch đầu tư của các dự án trên địa bàn và kết quả xử lý các vụ việc qua giám sát ở khu dân cư.

3. Đối với nội dung “Trách nhiệm giải trình với người dân”:

3.1. Tổ chức đối thoại với tổ chức, cá nhân về những vấn đề bức xúc trong quá trình triển khai nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các cấp.

3.2. Nâng cao trách nhiệm giải trình với người dân của chính quyền các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao chú trọng vào giải trình các ý kiến của người dân đã phản ánh; thực hiện lịch tiếp công dân định kỳ và đột xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; tập trung giải quyết có hiệu quả những khiếu nại, tố cáo, phản ánh; kiến nghị của tổ chức, công dân.

3.3. Thực hiện nghiêm Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/08/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, chủ động và tích cực hơn trong việc gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại với nhân dân thông qua các cuộc họp thường xuyên hoặc bất thường, tập trung giải quyết có hiệu quả những khúc mắc, khiếu nại, tố cáo của công dân.

3.4. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư cộng đồng tại các xã, phường, thị trấn: Thường xuyên tập huấn để nâng cao kỹ năng, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng.

3.5. Các dự án, chương trình đầu tư trong cộng đồng phải có sự tham gia của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

3.6. Tăng cường cử cán bộ, công chức đi cơ sở để kịp thời thông tin chủ trương, chính sách, pháp luật và giải trình, giải thích về những vấn đề nhân dân có phản ánh, kiến nghị.

4. Đối với nội dung “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”:

4.1. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật và các văn bản có liên quan về phòng, chống tham nhũng bằng nhiều hình thức để cán bộ, công chức, viên chức biết, thực hiện và người dân giám sát việc thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng.

4.2. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp và nhân dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; có chính sách và cơ chế bảo vệ người dân khi thực hiện việc tố cáo hành vi tham nhũng. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan,

đơn vị do mình phụ trách. Công khai báo cáo kết quả phòng, chống tham nhũng hàng năm của Tỉnh trên các phương tiện thông tin.

4.4. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm và kịp thời các khiếu nại, tố cáo, tin báo phản ánh tham nhũng, các vụ việc tham nhũng. Công khai các kết luận thanh tra, kiểm tra cũng như việc chấp hành kết luận của thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng đối với hành vi tham nhũng để tạo điều kiện cho nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện.

4.5. Thực hiện nghiêm túc việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của cán bộ, công chức, viên chức.

4.6. Thường xuyên khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng các dịch vụ công được cung cấp, nhất là trong lĩnh vực y tế và giáo dục để kịp thời quán triệt, rút kinh nghiệm và nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ người dân.

4.7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thi tuyển, thi nâng ngạch công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo tuyển dụng được những người có năng lực vào làm việc trong các cơ quan nhà nước.

5. Đối với nội dung “Thủ tục hành chính công”:

5.1. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách thủ tục hành chính. Thực hiện nghiêm túc, có chất lượng công tác rà soát các quy định, thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý; kiến nghị cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính rườm rà, không cần thiết để giảm thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân. Kịp thời cập nhật, công khai đầy đủ, chi tiết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, cung cấp đầy đủ thông tin thủ tục cần làm, công khai phí và lệ phí, hướng dẫn cụ thể các bước thực hiện, thứ tự quy trình của từng hoạt động trên Cổng thông tin điện tử, Cổng dịch vụ công của tỉnh và tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của các cơ quan, đơn vị.

5.2. Nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức. Thường xuyên khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng các dịch vụ được cung cấp, nhất là các dịch vụ: Chứng thực, xác nhận, cấp giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, đăng ký kinh doanh và các dịch vụ công thực hiện tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn... để nâng cao chất lượng phục vụ.

5.3. Tăng cường chỉ đạo và giám sát các phòng cấp huyện tuân thủ tốt hơn các quy định của pháp luật nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ, cụ thể: cung cấp đầy đủ thông tin về thủ tục cần làm, niêm yết công khai phí và lệ phí, đơn giản hóa thủ tục, thông tin đầy đủ về thời hạn trả kết quả và trả kết quả đúng lịch hẹn, xin lỗi dân khi hồ sơ trễ hạn.

5.4. Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện, cấp tỉnh. Kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, nhất là trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức. Rà soát, chấn chỉnh, sắp xếp lại, bố trí công chức bộ phận một cửa bảo đảm các yêu cầu: có đủ phẩm chất, có năng lực hoàn thành nhiệm vụ, có kiến thức tổng hợp, tinh thông nghiệp vụ, am tường pháp luật để trực tiếp xử lý, giải quyết, giải thích các yêu cầu của người dân, tổ chức.

5.5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức; tăng số lượng các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4 để tạo điều kiện tốt nhất cho tổ chức và công dân trong việc giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng dưới nhiều hình thức việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích để tạo điều kiện thuận lợi và cắt giảm chi phí đi lại cho tổ chức, cá nhân.

5.6. Đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2020 với mục tiêu đánh giá khách quan, chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công của các cơ quan hành chính nhà nước thông qua phương pháp điều tra xã hội học, lấy ý kiến của người dân, tổ chức đã sử dụng dịch vụ hành chính công do các cơ quan hành chính nhà nước cung cấp.

5.7. Hướng dẫn và kiểm tra, giám sát doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh; thực hiện công khai địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ hộp thư điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan để tổ chức, cá nhân có thể liên lạc trước, trong và sau khi gửi, nhận hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

6. Đối với nội dung “Cung ứng dịch vụ hành chính công”:

6.1. Nâng cao hơn nữa chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công lập: Tăng cường tuyên truyền chính sách bảo hiểm y tế để góp phần tăng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế. Thực hiện có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế. Từng bước nâng cao chất lượng các trạm y tế tuyến xã, bệnh viện tuyến huyện để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho người dân, bảo đảm cho mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe ban đầu với chi phí thấp, hiệu quả cao, góp phần thực hiện công bằng xã hội, tạo niềm tin cho nhân dân. Đầu tư nâng cấp một số trang thiết bị hiện đại cho các bệnh viện để phục vụ công tác khám, chữa bệnh. Nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ y, bác sỹ.

6.2. Cải thiện chất lượng giáo dục, nhất là giáo dục tiểu học công lập: Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trường lớp, trang thiết bị dạy học cho các trường. Từng bước đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia ở các cấp học; hoàn thành đề án kiên cố hóa trường lớp học đã được phê duyệt. Nâng cao chất lượng

đội ngũ giáo viên cả về năng lực, kỹ năng giảng dạy và phẩm chất đạo đức. Thường xuyên liên hệ, trao đổi với phụ huynh học sinh về kết quả học tập của các em học sinh.

6.3. Tiếp tục cải thiện cơ sở hạ tầng căn bản: Đảm bảo cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và điện phục vụ sinh hoạt của người dân trên địa bàn tỉnh; tăng tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ lưới điện quốc gia.

Rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các công trình cấp nước nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện việc cung cấp nước sạch cho người dân theo chương trình Mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; đảm bảo chất lượng các công trình cấp nước sạch cho nhân dân. Thực hiện tốt dịch vụ thu gom, xử lý rác thải, nước thải ở các khu vực, địa bàn dân cư.

6.4. Giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn khu dân cư:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thực hiện các chương trình phối hợp hoạt động giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể trong công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy; không để xảy ra các loại tội phạm mới, giảm tội phạm do nguyên nhân xã hội.

7. Đối với nội dung “Quản trị môi trường”:

7.1. Kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

7.2. Khi tiến hành lựa chọn nhà đầu tư, cấp phép các dự án đầu tư có ảnh hưởng, liên quan đến môi trường phải thực hiện đánh giá tác động môi trường có sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở. Ngăn chặn và từng bước khắc phục sự xuống cấp của môi trường tự nhiên.

7.3. Xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; triển khai một số mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở các vùng và bảo tồn đa dạng sinh học.

7.4. Các cấp chính quyền quan tâm hơn đến chất lượng nguồn nước và không khí để có những hành động kịp thời, trong đó cần huy động người dân tham gia cải thiện môi sinh tại khu dân cư.

8. Đối với nội dung “Quản trị điện tử”:

8.1. Tăng cường thông tin tuyên truyền, phổ biến thu hút người dân truy cập Cổng thông tin điện tử của tỉnh nhiều hơn để cập nhật, khai thác các thông tin, cơ chế chính sách, pháp luật, cơ sở dữ liệu, chỉ đạo điều hành và các hoạt động của tỉnh, trong nước và quốc tế.

8.2. Tiếp tục đổi mới giao diện Cổng thông tin điện tử của tỉnh và dịch vụ công trực tuyến thân thiện với người sử dụng; duy trì vận hành tốt trang Fanpage của UBND tỉnh trên mạng xã hội Facebook; tiếp tục xây dựng và thực hiện các

Chương trình đối thoại trực tuyến các vấn đề được dư luận quan tâm; các cơ quan, đơn vị tích cực tham gia trả lời kịp thời, đầy đủ, chính xác các câu hỏi của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp gửi đến tại chuyên mục Hỏi – đáp.

8.3. Tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, Internet trong các vùng sâu, vùng xa của tỉnh kết hợp với chương trình viễn thông công ích của Trung ương để triển khai đầu tư trên địa bàn tỉnh nhằm tăng chỉ tiêu thuê bao Internet, thuê bao băng rộng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố:

1.1. Trách nhiệm chung:

- Căn cứ các nội dung theo Kế hoạch này, xây dựng Chương trình hành động, Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số PAPI năm 2020 thực hiện tại đơn vị, địa phương phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Chương trình, Kế hoạch triển khai của các cơ quan, đơn vị gửi về Sở Nội vụ *trước ngày 10/6/2020* để theo dõi, tổng hợp chung.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng phục vụ và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý để cải thiện mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; có các biện pháp tuyên truyền phù hợp để nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ của công dân, tạo sự phối hợp chặt chẽ, gắn bó mật thiết giữa chính quyền và nhân dân trong giải quyết công việc.

- Định kỳ (Quý I, 6 tháng, Quý III, năm) báo cáo UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện cải thiện Chỉ số PAPI lồng ghép trong báo cáo cải cách hành chính (gửi qua Sở nội vụ) để tổng hợp, theo dõi, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện.

1.2. Sở Nội vụ:

- Là cơ quan đầu mối chủ trì tham mưu, giúp UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện các nội dung, tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số PAPI theo chức năng, nhiệm vụ được phân công hoặc thuộc địa bàn quản lý.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số PAPI, PAR INDEX, SIPAS, PCI, ICT - INDEX (lồng ghép với Hội nghị tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 trong tháng 6/2020).

- Nghiên cứu, tham mưu đưa nội dung triển khai thực hiện Kế hoạch thành một tiêu chí thành phần để đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện cải thiện Chỉ số PAPI lồng ghép trong báo cáo cải cách hành chính.

1.3. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì tham mưu chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo trí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về những nội dung của Chỉ số PAPI.

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước; triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

1.4. Sở Công Thương chủ trì tham mưu cải thiện, nâng cấp mạng lưới điện để phục vụ tốt hơn cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân, tổ chức.

1.5. Thanh tra tỉnh chủ trì thanh tra, kiểm tra công tác kiểm soát, phòng chống tham nhũng theo quy định.

1.6. Sở Y tế chủ trì tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ y tế công lập, đặc biệt là mạng lưới y tế tuyến cơ sở.

1.7. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tham mưu, tổ chức triển khai và theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là giáo dục tiểu học công lập.

1.8. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị môi trường.

1.9. Văn phòng UBND tỉnh:

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Tiếp tục duy trì vận hành tốt Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Cổng dịch vụ công tỉnh Lào Cai.

1.10. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Quyết liệt chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban chuyên môn trực thuộc và UBND các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

2. Công an tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai các giải pháp nhằm giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn; tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy; phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; không để xảy ra các loại tội phạm mới, giảm tội phạm do nguyên nhân xã hội.

Định kỳ (Quý I trước ngày 28/2; 6 tháng trước ngày 30/5; Quý III trước ngày 30/8; năm trước ngày 05/12) báo cáo UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện

các nội dung nêu trên (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp chung về cải thiện Chỉ số PAPI của tỉnh.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc chỉ đạo triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng để giám sát hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, nhất là hoạt động của UBND cấp xã, góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền các cấp với nhân dân; tăng cường sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở, cũng như kiểm soát tham nhũng trong khu vực công.

Trên đây là Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của tỉnh Lào Cai năm 2020. Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Trung tâm Nghiên cứu Phát triển - Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES);
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
DÂN CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong



Phụ lục

Kết quả Chi số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của tỉnh Lào Cai năm 2019
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 151 /KH-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

1. Kết quả tổng hợp Chi số PAPI:

Năm 2019: Tỉnh Lào Cai đạt **45,06 điểm** (tăng 0,69 điểm so với năm 2018); xếp thứ 13/63 tỉnh, thành phố (tăng 16 bậc so với năm 2018) và thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất, cụ thể như sau:

| Năm | Xếp hạng chung | Chi số PAPI tổng hợp | | Chi số nội dung | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|----------------|----------------------|----------|------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|---|-----------|-----------------------|---------------------|------------------|------|-----|------|-----|------|-----|------|----|
| | | Điểm số | Xếp nhóm | Tham gia của người dân ở cấp cơ sở | Công khai, minh bạch | Trách nhiệm giải trình với người dân | Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công | TTHC công | Cung ứng dịch vụ công | Quản trị môi trường | Quản trị điện tử | | | | | | | | |
| 2018 | 29 | 44,37 | TBC | 5,41 | TBC | 5,45 | TBC | 4,89 | TBT | 6,38 | TBT | 7,33 | TBT | 7,17 | TBC | 4,3 | TBT | 3,44 | CN |
| 2019 | 13 | 45,06 | CN | 5,31 | CN | 5,46 | TBC | 4,98 | TBC | 6,76 | TBT | 7,46 | TBC | 7,28 | TBC | 3,57 | TBT | 4,22 | CN |

Ghi chú:

- Chi số PAPI được xếp làm 04 nhóm: (1) CN: nhóm đạt điểm cao nhất; (2) TBC: nhóm đạt điểm trung bình cao; (3) TBT: nhóm đạt điểm trung bình thấp; (4) TN: nhóm đạt điểm thấp nhất.
- Số liệu trong bảng biểu thị giá trị điểm trung bình địa phương có thể đạt được trên thang điểm từ 1 – 10 đối với điểm số của 08 chỉ số nội dung; từ 10 – 80 điểm đối với Chi số PAPI tổng hợp.

2. Chi tiết điểm số và xếp nhóm đối với từng chỉ số nội dung PAPI năm 2019:

| Stt | Chỉ số nội dung/Chỉ số thành phần | Điểm số (thang điểm từ 1 - 10 đối với chỉ số nội dung) | Xếp nhóm (Cao nhất; Trung bình cao; trung bình thấp; thấp nhất) |
|-----|---|--|---|
| 1 | Tham gia của người dân ở cấp cơ sở | 5,31 | Cao nhất |
| - | <i>Tri thức công dân</i> | <i>0,81</i> | |
| - | <i>Cơ hội tham gia</i> | <i>1,53</i> | |
| - | <i>Chất lượng bầu cử</i> | <i>1,66</i> | |
| - | <i>Đóng góp tự nguyện</i> | <i>1,31</i> | |
| 2 | Công khai, minh bạch | 5,46 | Trung bình cao |
| - | <i>Tiếp cận thông tin</i> | <i>0,85</i> | |
| - | <i>Danh sách hộ nghèo</i> | <i>1,79</i> | |
| - | <i>Thu, chi ngân sách cấp xã/phường</i> | <i>1,47</i> | |
| - | <i>Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất, khung giá đền bù</i> | <i>1,35</i> | |
| 3 | Trách nhiệm giải trình với người dân | 4,98 | Trung bình cao |
| - | <i>Hiệu quả tương tác với các cấp chính quyền</i> | <i>1,89</i> | |
| - | <i>Giải quyết khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân</i> | <i>1,05</i> | |
| - | <i>Tiếp cận dịch vụ tư pháp</i> | <i>2,04</i> | |
| 4 | Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công | 6,76 | Trung bình thấp |
| - | <i>Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền</i> | <i>1,64</i> | |
| - | <i>Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công</i> | <i>2,09</i> | |
| - | <i>Công bằng trong tuyển dụng vào nhà nước</i> | <i>1,07</i> | |
| - | <i>Quyết tâm chống tham nhũng</i> | <i>1,96</i> | |
| 5 | Thủ tục hành chính công | 7,46 | Trung bình cao |
| - | <i>Chứng thực/xác nhận</i> | <i>1,93</i> | |
| - | <i>Giấy phép xây dựng</i> | <i>1,89</i> | |

for

| | | | |
|---|--|-------------|------------------------|
| - | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 1,67 | |
| - | Phủ lục hành chính cấp xã/phường | 1,97 | |
| 6 | Cung ứng điện vụ công | 7,28 | Trung bình cao |
| - | Trà-Công lập | 2,07 | |
| - | Trà-Công lập | 1,75 | |
| - | Cơ sở hạ tầng căn bản | 1,98 | |
| - | An ninh, trật tự | 1,49 | |
| 7 | Quản trị môi trường | 3,57 | Trung bình thấp |
| - | Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường | 0,95 | |
| - | Chất lượng không khí | 2,05 | |
| - | Chất lượng nước | 0,58 | |
| 8 | Quản trị điện tử | 4,22 | Cao nhất |
| - | Sử dụng công nghệ tin điện tử của chính quyền địa phương | 0,47 | |
| - | Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương | 1,98 | |
| - | Phúc đáp qua Công nghệ tin điện tử | 1,86 | |

Handwritten signature

